

Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2022

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa
2. Ông Nguyễn Tấn Đê

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con, nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 18/2022/TB-TĐTGMPT ngày 16/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ánh L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp P, xã Vân Khánh T, huyện A, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh Lâm Hoàng K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp Cây G, xã Vân Khánh T, huyện A, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Cà L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp Cây G, xã Vân Khánh T, huyện A, tỉnh K.

(Chị L; Anh K; Bà Cà L có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ánh L trình bày:***

Do quen biết năm 2006 chị và anh K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng cho đến ngày 13/10/2013 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vân Khánh T, huyện A, tỉnh K.

Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc và có 02 đứa con. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do cá tính trong sinh hoạt vợ chồng, gia đình và đối nhân xử thế không còn hợp nhau nên mất hạnh phúc gia đình, kéo dài đến năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trầm trọng hơn. Chị tự quyết đi làm ăn xa và ly thân từ năm 2019. Cho đến nay tình cảm vợ chồng hoàn toàn không còn nên chị xin ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung là Lâm Lan A, sinh ngày 21/11/2007 và Lâm Chí N, sinh ngày 24/5/2011 (02 con đang sống với anh K). Về tài sản và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình vợ chồng chị còn chung sống ba chồng chị là cha ruột của anh Lâm Hoàng K chỉ cho mượn đất làm mà trong khi đó phần đất đó cha của anh K không có sang tên cho vợ chồng chị. Trong khi đó anh K anh chơi cờ bạc, chị khuyên thì anh K nói chị không có quyền về nhà ở hay số đất đó gì cả. Tại hòa giải ở ấp ngày 08/01/2018 ấp có kêu về nhưng chị không về được, tại biên bản hòa giải có ấp, xã chứng kiến anh K không có nhắc gì về số đất cầm cố. Chị cũng không nghe chị Cà L nhắc về số đất cầm cố đó. Đến khi chị nộp đơn ra Tòa ly hôn thì anh K nói còn nợ chung với bà Cà L. Trong khi 02 người cầm cố gì chị hoàn toàn không hề biết về số đất đó. Chị yêu cầu bà Cà L đưa giấy tờ cầm cố xem chị có đồng ý ký tên không hay giấy tờ quyền sử dụng đất của bà Cà L có ai đứng tên số đất đó. Trong khi nhà và đất ở chồng chị không cho chị hưởng, chị ra đi không lấy thứ gì. Do chị thấy 02 đứa con ở với bà nội nên chị đồng ý để lại tài sản cho 02 đứa con chị.

Đối với việc bà Cà L rút đơn yêu cầu, chị không có ý kiến gì. Chị xác định không tham gia cổ đất của bà Cà L không đồng ý với lời trình bày của anh K.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Lâm Hoàng K;

Về con và cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn chị chấp nhận để anh K trực tiếp nuôi 02 đứa con. Chị tự nguyện cấp dưỡng 02 con 750.000 đồng/02đứa/tháng cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi tự lao động được.

Về tài sản và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo tờ tường trình, các ý kiến, yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lâm Hoàng K trình bày:***

Trong quá trình chung sống anh luôn toàn tâm, toàn ý chung sống với chị L. Năm 2017 anh bắt gặp quả tang chị L ngoại tình với người khác tại gia đình bên vợ. Sau đó anh có đưa ra chính quyền giải quyết nhưng chị L đã bỏ đi, để lại 02 đứa con cho anh nuôi dưỡng. Không bao lâu anh phát hiện gia đình bên vợ

đứng ra làm đám gả chị L cho người khác tại Phú Quốc, vì lo làm lụng để nuôi 02 con nên anh cũng không quan tâm tới. Đến nay chị L quay về ly hôn với anh.

Trong quá trình chung sống vào ngày 04/7/2017 vợ chồng anh có cố cho bà Nguyễn Cà L, ngụ ấp Cây G, xã Vân Khánh T 05 công đất, thời hạn 05 năm với giá 30 chỉ vàng 24Kr. Sau khi cố đất bà Cà L cho vợ chồng anh thuê lại nhưng sau đó vợ anh bỏ đi. Từ đó đến nay anh và chị L cũng không có khả năng trả nợ cho bà Cà L. Thời hạn thuê đất đã hết, hiện nay đất do em anh tên Lâm Thị S không nhớ năm sinh địa chỉ ấp Cây G, xã Vân Khánh T, huyện A, tỉnh K đang canh tác.

Anh xác định chị L biết sự việc anh cố đất cho bà Cà L, vì số vàng cố đất lấy về thì anh đi cân mua tôm, cua phục vụ sinh hoạt chung cho gia đình. Anh không có ăn chơi, cờ bạc gì. Tại hòa giải ở ấp ngày 08/01/2018 chỉ có anh và ba vợ anh, vắng mặt vợ anh không có làm việc được gì và chữ ký trong biên bản hòa giải đó không phải là của anh.

Đối với việc bà Cà L rút đơn yêu cầu, anh không đồng ý.

Anh xác định vẫn giữ yêu cầu chị L phải chia đôi số nợ 30 chỉ vàng vàng 24Kr vàng loại 9999 đã cô đất cho bà Cà L với anh.

Nay trước yêu cầu ly hôn của chị L, anh đồng ý. Về con chung anh yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung không có. Về nợ chung: Anh yêu cầu chị L có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số vàng cố đất cho bà Nguyễn Cà L là 15 chỉ vàng 24Kr, phần anh trả cho bà Lâu 15 chỉ vàng 24Kr.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Cà L trình bày:**

Trước đây anh K, chị L còn chung sống với nhau. Vào ngày 04/7/2017 vợ chồng anh K có cố cho vợ chồng bà (hiện chồng bà là ông Lâm Văn D đã chết) 05 công đất tại ấp Cây G, xã Vân Khánh T, với giá 30 chỉ vàng 24Kr vàng 9999, thời hạn cố đất là 05 năm (đến ngày 04/7/2022 hết hạn).

Sau khi cố đất vợ chồng anh K, chị L mướn lại mỗi năm với giá 18.000.000 đồng/01năm. Bà xác định khi cố đất bà giao vàng cho mình anh K, bà cũng không có gặp chị L trao đổi việc anh K cố đất hay nhận tiền thuê đất từ chị L đưa. Tiền cố đất trả được 4.000.000 đồng là do anh K trả cho bà.

Mấy năm trước thì anh K nói cho người ta thuê, sau này thì anh K nói thì cho Sơn là em của K cố. Hiện nay ai làm thì bà không rõ.

Nay bà xác định rút yêu cầu anh Lâm Hoàng K và chị Huỳnh Thị Ánh L phải trả cho bà số vàng cố đất là 30 chỉ vàng 24Kr vàng 9999. Nếu sau này có tranh chấp bà tự khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Tại phiên tòa:

- Chị L: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lâm Hoàng K; Về con chung: Khi ly hôn chị đồng ý tiếp tục giao 02 con chung cho anh K nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng 02 con 750.000 đồng/02đứa/tháng cho đến khi 02 con

chung tròn 18 tuổi tự lao động được; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh K: Trước yêu cầu ly hôn của chị L, anh đồng ý. Về con chung anh yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi, thực hiện cấp dưỡng sau khi án có hiệu lực pháp luật. Về tài sản chung không có. Về nợ chung: Anh yêu cầu chị L có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số vàng cổ đất cho bà Nguyễn Cà L là 15 chỉ vàng 24Kr, phần anh trả cho bà Lâu 15 chỉ vàng 24Kr.

- Bà Cà L: Bà xác định rút yêu cầu anh Lâm Hoàng K và chị Huỳnh Thị Ánh L phải trả cho bà số vàng cổ đất là 30 chỉ vàng 24Kr vàng 9999. Nếu sau này có tranh chấp bà tự khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu ly hôn, anh K cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh K. Về con chung: Chị L đồng ý tiếp tục giao 02 con chung cho anh K nuôi dưỡng, anh K cũng đồng ý nên tiếp tục giao 02 con chung cho anh K nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng nuôi con: Anh K yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định của pháp luật. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung 750.000đồng/tháng/02 con chung. Xét thấy mức cấp dưỡng mà chị L đưa ra không đảm bảo nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của 02 con chung đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị L cấp dưỡng con chung theo mức quy định của pháp luật (là không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở trên 01 con chung). Mức lương cơ sở hiện này là 1.490.000 đồng. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 1.490.000 đồng/tháng/02 con chung, kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi và tự lao động được. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi theo từng thời điểm do pháp luật quy định. Về tài sản chung: Chị L và anh K xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cà L xác định rút yêu cầu anh Lâm Hoàng K và chị Huỳnh Thị Ánh L phải trả cho bà số vàng cổ đất là 30 chỉ vàng 24Kr vàng 9999 nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Cà L yêu cầu anh Lâm Hoàng K và chị Huỳnh Thị Ánh L phải trả cho bà số vàng cổ đất là 30 chỉ vàng 24Kr vàng 9999. Mặc dù phía anh K khẳng định số vàng cổ đất bà Cà L là nợ chung nhưng bà Cà L rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ kiện này. Nếu sau này có tranh chấp phát sinh có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lâm Hoàng K có hộ khẩu thường trú tại ấp Cây G, xã Vân Khánh T, huyện A, tỉnh K. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân huyện A đã thụ lý vụ án và đã tiến hành các thủ tục pháp lý triệu tập đương sự đến Tòa án để tự khai; tiến hành phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị L và anh K là hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 10 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Vân Khánh T, huyện A, tỉnh K.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị L và anh K đã thật sự trầm trọng, anh chị đã có thời gian ly thân khá lâu mà vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Đồng thời tại các phiên hòa giải chị L và anh K không thể hiện nguyện vọng của anh chị muốn đoàn tụ. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh K, thì anh K cũng đồng ý. Do đó, đã đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng của anh, chị đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh K xác định có 02 con chung là Lâm Lan A, sinh ngày 21/11/2007 và Lâm Chí N, sinh ngày 24/5/2011. Khi ly hôn chị L đồng ý tiếp tục giao con 02 con chung cho anh K nuôi dưỡng. Anh K cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Đồng thời, theo biên bản ghi lời khai của 02 con chung đều có nguyện vọng được ở chung với anh K nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị L và anh K thống nhất tiếp tục giao 02 con chung là Lâm Lan A, sinh ngày 21/11/2007 và Lâm Chí N, sinh ngày 24/5/2011 cho anh K nuôi dưỡng.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 750.000đồng/02con chung/tháng. Phía anh K yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho

con. Đồng thời theo Mục 11 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP quy định về việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn thì tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì tùy vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý. Phía chị L cho rằng hiện tại chị không có công việc ổn định nên chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung 750.000đồng/tháng/02 con chung. Phía anh K yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng anh K không cung cấp tài liệu chứng cứ gì xác định mức thu nhập của chị L nên không có cơ sở xác định được mức thu nhập của chị L. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mức cấp dưỡng nuôi con là không dưới $\frac{1}{2}$ (một phần hai) mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với một người con. Mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000đồng/tháng nên chị L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 1.490.000 đồng/02 con chung/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi và tự lao động được. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Kể từ ngày anh K có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị L chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh K xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ngày 10/6/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cà L có đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện và ngày 14/6/2022 có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về nợ chung nên Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Cà L yêu cầu anh Lâm Hoàng K và chị Huỳnh Thị Ánh L phải trả số vàng cổ đất là 30 chỉ vàng 24Kr vàng 9999 theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Cà L 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005340 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A.

Mặc dù bị đơn anh Lâm Hoàng K khẳng định số vàng thiếu bà Cà L là nợ chung nhưng phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cà L rút yêu cầu anh K và chị L phải trả số vàng cổ đất là 30 chỉ vàng 24Kr vàng 9999. Đây là quyền tự định đoạt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không có cơ sở giải quyết trong vụ kiện này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Chị Ánh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, Điểm a

khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 244, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh Thị Ánh L được ly hôn với anh Lâm Hoàng K.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận thống nhất của chị L và anh K thống nhất tiếp tục giao 02 con chung là Lâm Lan A, sinh ngày 21/11/2007 và Lâm Chí N, sinh ngày 24/5/2011 cho anh K nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị L phải phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung số tiền 1.490.000 đồng/tháng/02 con chung, kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi và tự lao động được. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

Kể từ ngày anh K có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị L chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh K xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Cà L yêu cầu anh Lâm Hoàng K và chị Huỳnh Thị Ánh L phải trả số vàng có đất là 30 chỉ vàng 24Kr vàng 9999.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Cà L 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005340 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A.

5. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ánh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Ánh L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005321 ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A nên phải nộp tiếp 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

